

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2026/DS-PT

Ngày: 06 - 4 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn.

Ông Võ Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Nguyệt H, sinh năm 1959 (CCCD số: 091159009806). Có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ánh T (B), sinh năm 1956 (CCCD số: 091156006242). Có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã G, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Ánh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Nguyệt H trình bày:**

Bà **Ngô Nguyệt H** có cho bà **Trần Thị Ánh T** vay tiền và mượn tiền nhiều lần. Cụ thể: Lần đầu ngày 15/10/2021, bà **H** cho bà **T** vay số tiền là 15.000.000 đồng, lần thứ 2 ngày 13/5/2022 bà **H** tiếp tục cho bà **T** vay thêm 37.000.000 đồng. Ngoài ra bà **T** còn tham gia bảo hiểm nhân thọ do bà **H** làm đại lý, khi đến thời hạn đóng tiền bảo hiểm thì bà **T** có mượn tiền của bà để đóng tiền bảo hiểm từ năm 2019 đến năm 2023 là 16 lần, mỗi lần khoảng 3.000.000 đồng, tổng số tiền khoảng 51.000.000 đồng.

Hai bên có thỏa thuận các khoản bà **H** cho bà **T** vay phải đóng lãi là 3%/tháng. Tiền mượn đóng bảo hiểm thì không tính lãi.

Sau đó bà **T** không trả gốc và lãi nên đến ngày 18/7/2023, bà **H** và bà **T** kết toán lại, xác định bà **T** còn nợ tổng số tiền vay là 52.000.000 đồng, tiền mượn đóng bảo hiểm là 49.440.000 đồng và tiền lãi là 26.560.000 đồng, tổng cộng các khoản là 128.000.000 đồng theo “*Tờ cam kết ngày 18/7/2023*” do bà **H** trực tiếp viết tại nhà bà **T**, bà **T** đã tự đọc lại nhiều lần và thống nhất ký tên và lấn tay vào tờ cam kết, lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng.

Bà **H** đã nhiều lần yêu cầu bà **T** trả nợ nhưng bà **T** không đồng ý. Ngày 30/9/2023, bà **T** gửi đóng bảo hiểm thêm cho bà **H** được 2.000.000 đồng nhưng số tiền này phát sinh sau ngày 18/7/2023 nên bà **H** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Nay bà **H** yêu cầu cụ thể:

Rút lại yêu cầu khởi kiện về tính lãi là 9.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 18/01/2024 theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử.

Yêu cầu bà **T** trả cho bà **H** tổng số tiền nợ là 128.000.000 đồng theo Tờ cam kết ngày 18/7/2023.

*** Bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** trình bày:**

Bà **T** xác định chỉ hỏi vay của bà **H** 02 lần.

Lần đầu bà hỏi bà **H** vay số tiền 5.000.000 đồng, bà **T** chỉ nhớ vay tại nhà trọ chứ không nhớ ngày tháng.

Lần thứ hai, bà **T** trực tiếp đến nhà bà **H** để hỏi vay thêm số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, một tháng đóng lãi một lần và hẹn trả trong thời hạn 01 năm.

Ngoài ra khi dịch covid thì bà **T** không có tiền đóng tiền bảo hiểm nhân thọ do bà **H** làm đại lý thì bà **H** có cho bà **T** mượn tiền đóng bảo hiểm 06 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng 18.000.000 đồng và bà **H** có đưa cho bà **Thu G** 06 biên nhận đóng tiền.

Bà **T** không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà **H**, bà **T** chỉ đồng ý trả cho bà **H** số tiền vay là 11.000.000 đồng và tiền lãi 3% từ khi mượn cho đến ngày xử, còn tiền mượn đóng bảo hiểm thì bà **T** chỉ trả lại tiền gốc 18.000.000 đồng. Hiện hoàn

cảnh khó khăn bà yêu cầu trả dần, 01 tháng 400.000 đồng, 10 tháng trả hết nợ gốc 11.000.000 đồng thì tiếp tục trả lãi cho đến khi hết nợ.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang quyết định:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Nguyệt H** đối với bà **Trần Thị Ánh T** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà **Trần Thị Ánh T** phải trả cho bà **Ngô Nguyệt H** tổng số tiền nợ gốc còn thiếu là 128.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng x 06 tháng là 9.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi chậm trả từ ngày 18/01/2024 theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử của bà **Ngô Nguyệt H** đối với bà **Trần Thị Ánh T**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

*** Ngày 30/12/2025, bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H**. Bà **T** đồng ý trả số tiền vay gốc là 11.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật; bà **T** đồng ý trả tiền mượn của bà **Ngô Nguyệt H** số tiền 18.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn bà **Trần Thị Ánh Thu G** nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H** yêu cầu không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Ánh T**.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Ánh T**. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ,

toàn diện các chứng cứ, tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Ánh T.**

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H** yêu cầu bà **T** trả cho bà **H** tổng số tiền nợ là 128.000.000 đồng theo Tờ cam kết ngày 18/7/2023.

Bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** đồng ý trả cho bà **H** số tiền vay gốc là 11.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật và số tiền mượn 18.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H** yêu cầu bà **T** trả cho bà **H** tổng số tiền nợ là 128.000.000 đồng theo Tờ cam kết ngày 18/7/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm nhận định, căn cứ lời trình bày của các đương sự và biên nhận nợ thể hiện bà **H** có cho bà **T** vay tiền nhiều lần, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Ngoài ra, bà **T** còn mượn tiền của bà **H** để đóng bảo hiểm. Từ khi vay và mượn tiền cho đến nay thì bà **T** chưa trả số tiền trên cho bà. Đến ngày 18/7/2023, hai bên cùng kết toán xác định bà **T** còn nợ tổng số tiền vay, tiền mượn đóng bảo hiểm và tiền lãi tổng cộng là 128.000.000 đồng theo “*Tờ cam kết ngày 18/7/2023*”. Quá trình giải quyết vụ án, bà **T** thừa nhận có sự việc 18/7/2023, bà **H** đến nhà bà làm kết toán nợ làm biên nhận nợ các khoản với số tiền là 128.000.000 đồng; bà **T** xác định có biết nội dung biên nhận do bà **H** viết nhưng lo sợ lãi phát sinh bà **T** mới ký tên và điểm chỉ cho xong chứ không hiểu về trách nhiệm bà phải trả nợ theo biên nhận. Bà **T** xác định biên nhận ngày 18/7/2023 mà bà **H** cung cấp cho Tòa án đúng là do bà trực tiếp ký và điểm chỉ.

Căn cứ vào biên nhận nợ và lời khai của bà **H** và bà **T** trong quá trình giải quyết vụ án, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự có cơ sở xác định sự việc bà **T** có vay tiền của bà **H** là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật có đủ cơ sở xác định bà **T** còn nợ bà **H** số tiền vay 128.000.000 đồng theo Tờ cam kết ngày 18/7/2023.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **H** buộc bà **T** trả cho bà **H** tổng số tiền nợ là 128.000.000 đồng là có căn, phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **H** yêu cầu bà **T** phải trả tiền lãi theo thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng x 06 tháng là 9.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi chậm trả từ ngày 18/01/2024 theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, bà **H** đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về tính lãi.

Cấp sơ thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu tính lãi của bà **H** đối với bà **T** là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Ánh T**, giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số: 317/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Ánh T**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 317/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H** “Về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” đối với bị đơn bà **Trần Thị Ánh T**.

Buộc bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** trả cho nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H** tổng số tiền nợ vốn gốc là 128.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Nguyệt H** đối với bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** về việc yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng x 06 tháng là 9.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi chậm trả từ ngày 18/01/2024 theo quy định của pháp luật cho đến ngày xét xử.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà **Trần Thị Ánh T** là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- TAND khu vực 5 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 5 – An Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo